

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng,

Ông Ngô Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 876/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-ST ngày 27/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Nguyễn Giang N sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố Chiến Thắng, thị trấn Minh Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoa M sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Chiến Thắng, thị trấn Minh Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Sò, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đỗ Nguyễn Giang N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Nguyễn Giang N và chị Nguyễn Thị Hoa M kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đ, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng ký kết hôn số 69, Quyền số 01/2007 ngày 28 tháng 8 năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận,

hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần xảy ra cãi vã xô xát với nhau. Do tình cảm không còn, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị M.

Về con chung: Anh N và chị M có hai con Đỗ Nguyễn Anh Đ sinh năm 2009 và Đỗ Như Q sinh năm 2014 do anh Nam đang nuôi. Khi ly hôn anh N nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh N và chị M không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa anh Đỗ Nguyễn Giang N và chị Nguyễn Thị Hoa M; giao con Đỗ Nguyễn Anh Đ và Đỗ Như Q cho anh Nam nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh N được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị M đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị M.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh N và chị M là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc nhau. Vậy, xác định yêu cầu xin ly hôn của anh N đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần giải quyết cho các bên được ly hôn.

[3] Về con chung: Các bên có con chung như anh N trình bày là đúng và hiện nay đang do anh N nuôi; chị M không có quan điểm, nguyện vọng gì về nuôi con. Nguyên vọng được tiếp tục nuôi con của anh N bảo đảm được lợi ích toàn diện của con và phù hợp với nguyện vọng ở với bố của cháu Đ; vậy nên giao hai con cho anh N trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Nguyễn Giang N và chị Nguyễn Thị Hoa M.

Về nuôi con chung: Giao con Đỗ Nguyễn Anh Đ sinh ngày 30/10/2009 và Đỗ Như Q sinh ngày 16/01/2014 cho anh Đỗ Nguyễn Giang N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Nguyễn Giang N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Nguyễn Giang N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đỗ Nguyễn Giang N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003159 ngày 25/11/2019. Anh Đỗ Nguyễn Giang N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBNDTT Minh Đ, h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

